

Bản án số: **46/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/7/2024

Về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU – TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Lâm

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Văn Dũng

- Ông Nguyễn Thế Anh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Viết Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:*

Bà Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số: số 392/2023/TLST – HNGĐ ngày 14/12/2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 2002.

Trú tại: Xóm Đ, xã D, huyện D, Nghệ An (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1998.

Trú tại: Xóm Đ, xã D, huyện D, Nghệ An (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị T và Trần Văn B đã tìm hiểu và quyết định đi đến kết hôn với nhau tự nguyện. Chúng tôi được UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An chứng nhận kết hôn 06 tháng 08 năm 2021. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên rượu chè bê tha và thiếu trách nhiệm với vợ, con mặc dù đôi bên đã khuyên ngăn để anh B thay đổi có trách nhiệm với vợ con nhưng anh B vẫn không thay đổi, vì vậy chị T đã đưa hai con về bên mẹ để sống từ tháng 8 năm 2022 đến nay và ly thân từ đó. Nay chị T thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng đã có 02 con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 23/12/2021 và cháu Trần Minh K1, sinh ngày 19/02/2023. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành. Không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án Diễn Châu giải quyết.

** Đối với bị đơn: Trần Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có bản trình bày gửi cho Tòa án nên không có phần trình bày của anh Trần Văn B.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được căn cứ quy định của pháp luật Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

- Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp Luật tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình không hợp tác mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, bị đơn hai lần vắng mặt không có lý do, không đến tham dự phiên Tòa. Đây là phiên tòa thứ hai bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn B.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T và anh Trần Văn B

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng đã có 02 con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 23/12/2021 và cháu Trần Minh K1, sinh ngày 19/02/2023. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa, anh B cũng không có ý kiến gì về việc chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Con chung từ trước tới nay đang sống khỏe mạnh, ở ổn định với chị T, xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng nên giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con: Nhưng chị T có xác nhận thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10 đến 12 triệu đồng có đủ khả năng kinh tế nuôi con, nên không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Do vậy tạm hoãn phần đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị T có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng Trần Văn B vắng mặt không có lý do. Đây là phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mà, bị đơn anh Trần Văn B vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị T và bị đơn anh Trần Văn B.

[2]. Về nội dung

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn B là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Nghệ An (Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2021 ngày 06/8/2021).

Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên rượu chè bê tha và thiếu trách nhiệm với vợ, con mặc dù đôi bên đã khuyên ngăn để anh B thay đổi có trách nhiệm với vợ con nhưng anh B vẫn không thay đổi. Vì vậy chị T đã đưa hai con về bên mẹ để sống từ tháng 8 năm 2022 và ly thân từ đó. Vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị T không có nguyện vọng đoàn tụ với anh B. Anh Trần Văn B biết việc chị T gửi đơn yêu cầu Tòa án huyện Diễn Châu giải quyết ly hôn, mặc dù anh đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh B đều không đến làm việc và cũng không có bản trình bày gửi cho Tòa án, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án, điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa hai vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trần Văn B.

[2.2]. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Vợ chồng đã có 02 con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 23/12/2021 và cháu Trần Minh K1, sinh ngày 19/02/2023. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa, anh B cũng không có ý kiến gì về việc chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Con chung từ trước tới nay đang sống khỏe mạnh, ổn định với chị T, xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng nên giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con: Nhưng chị T có xác nhận thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10 đến 12 triệu đồng có đủ khả năng kinh tế nuôi con nên không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù đã được Tòa án giải thích nhưng chị Vũ Thị T vẫn không yêu cầu anh B có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Do vậy tạm hoãn phần đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh Trần Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; khoản 1 Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51 và các Điều 56, 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trần Văn B.

- *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 23/12/2021 và cháu Trần Minh K1, sinh ngày 19/02/2023 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn phần nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Văn B cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh Trần Văn B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo Biên lai thu tiền số 0011076 ngày 12/2/2023 (Chị T đã nộp đủ án phí).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THA dân sự Diễn Châu;
- UBND xã Diễn Ngọc.
- Lưu HS, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm